

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 10 - 2019
V/v ly hôn giữa chị D và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Doanh

Ông Lưu Xuân Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992 (có mặt)

ĐKKHKT: Tổ dân phố số, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Xóm , thôn V, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố số, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 9 năm 2009 tại UBND thị trấn, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng khoảng 04 năm trở lại đây anh T thường xuyên dùng ma túy đá và nhiều lần có bạo lực gia đình với chị, chị đã trình báo cơ quan có thẩm quyền can thiệp nhưng anh T không thay đổi vẫn đe dọa đánh chị. Từ tháng 10/2015 chị và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa, nhưng chị và các con vẫn chung sống cùng gia đình nhà chồng. Từ tháng 7 năm 2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã N, huyện N để ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể

tiếp tục chung sống với anh T được nữa, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 12/10/2010 và Trần Văn B, sinh ngày 13/7/2015, hiện các cháu đang ở với anh T và ông bà nội cháu. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con. Vì chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần may thêu Việt Phát thu nhập hằng tháng từ 06 triệu đến 07 triệu đồng đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cho chị và các con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2019 bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/9/2009 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 7 năm 2019 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, huyện N ở. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, vì không muốn các con anh phải sống xa nhau.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 12/10/2010 và Trần Văn B, sinh ngày 13/7/2015, hiện các cháu đang ở với anh. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng. Vì hiện nay chị D không có nhà ở, anh ở cùng bố mẹ đẻ, làm nghề tự do thu nhập hằng tháng khoảng 09 triệu đồng đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cho anh và các con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị D không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quan điểm đã trình bày và đề nghị nêu trên. Trường hợp khi vợ chồng ly hôn, chị không được trực tiếp nuôi 02 con chung, thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật giao mỗi người nuôi một con. Chị xin được nuôi cháu B, vì cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, giao anh T nuôi cháu T; chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Trần Văn T. Giao cháu Trần Văn B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Trần Anh T cho anh Trần Văn T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến

khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T kết hôn do tự nguyện, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 7 năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn anh T không nhất trí, với lý do anh không muốn các con phải sống xa nhau.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị D và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, đã sống ly thân, có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn T của chị Nguyễn Thị D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Trần Anh T và cháu Trần Văn B, hiện các cháu đang ở với anh T. Khi vợ chồng ly hôn, chị D có nguyện vọng, được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Nếu không được nuôi 02 con chị đề nghị xử theo quy định của pháp luật, giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin nuôi và chăm sóc cháu B; chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T cũng có nguyện vọng, được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu, anh cầu chị D cấp dưỡng.

Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, đề nghị của các đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh T và chị D đều không có nhà riêng, sống chung với bố mẹ đẻ. Chị D làm công nhân, anh T lao động tự do đều có thu nhập. Do vậy, đề nghị của chị D khi vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn B, giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh T, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp, không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Anh T phải có trách nhiệm giao cháu Trần Văn B cho chị D nuôi dưỡng. Chị D và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T;

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Trần Văn B, sinh ngày 13/7/2015 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 12/10/2010 cho anh Trần Văn T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T phải có trách nhiệm giao con chung là Trần Văn B cho chị D nuôi dưỡng.

Chị D và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo Biên lai số 0000999 ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, chị D đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND thị trấn N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh